

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 220/2026/DS-PT
Ngày: 08-4-2026
“V/v Tranh chấp hợp đồng thuê
khoán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Quốc Ly;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Quốc Hà và Ông Lê Ngọc Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký viên Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 590/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2025 về “*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2025/DS-ST ngày 23/9/2025 của Toà án nhân dân khu vực 1 - Đắc Lắc bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 164/2026/QĐXX-PT ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 196/2026/QĐ-PT ngày 12 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1959; Số căn cước: 052059007301; Địa chỉ: Số A, tổ B, thôn A, phường E (xã E, thành phố B cũ), tỉnh Đắc Lắc; Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Anh T, sinh năm 1985; Số căn cước: 051085007386; Địa chỉ: Số F, Liên gia C, Buôn Đ, phường B (xã C, thành phố B cũ), tỉnh Đắc Lắc (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/4/2025); Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bộ chỉ Huy Quân sự tỉnh Đ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1977 – Chức vụ: Thanh tra viên Bộ chỉ Huy Quân sự tỉnh Đ (Theo văn bản ủy quyền ngày 24/4/2025); Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Địa chỉ: Số D đường M, phường B (phường T, thành phố B cũ), tỉnh Đắc Lắc.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Phòng Hậu cần - Bộ chỉ Huy Quân sự tỉnh Đ;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hồng Q, sinh năm 1977 – Chức vụ: Thanh tra viên; Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số D đường M, phường B (phường T, thành phố B cũ), tỉnh Đắk Lắk.

3.2 Ủy ban nhân dân xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Cơ quan kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng: Ủy ban nhân dân xã H, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Địa chỉ: K, Quốc lộ A, thôn A, xã H tỉnh Đắk Lắk.

4. Người làm chứng: Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1978; Địa chỉ: Thôn B, xã H, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt.

Do có kháng cáo của: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Theo nội dung của Hợp đồng liên kết đầu tư trồng cà phê giữa Phòng Hậu Cần – Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ và ông Nguyễn Anh T2 vào ngày 15/05/1995 có diện tích 10.000m² đất để trồng cà phê được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ ký xác nhận và Hợp đồng liên kết trồng cà phê. Sau đó ông Nguyễn Ngọc C đã sử dụng bản hợp đồng trên và đóng sản lượng với tư cách là người nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Anh T2 và đã được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ đồng ý.

Đến ngày 16 tháng 6 năm 2022, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ và Ủy ban nhân dân thành phố B có mời gia đình ông C họp và yêu cầu gia đình bàn giao đất cho Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ quản lý. Nhưng gia đình ông Nguyễn Ngọc C yêu cầu khi thu hồi hơn 01 hecta đất và cây cà phê, các cây trồng khác trên đất liên kết thì phải hỗ trợ diện tích đất sử dụng từ 15/10/1993; bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10%; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm và các hỗ trợ khác cho gia đình ông Nguyễn Ngọc C; hỗ trợ 1 giếng khoan sâu 75m và 1 ao rộng 200m² (có chiều ngang 40 m x chiều dài 50m), 01 hệ thống đường ống nước tưới 420m, ống nhựa nhãn hiệu tiền phong Q 90, dài 4m dày 2.6 mm và cây cà phê trồng vào năm 1995 với số lượng 1.132 cây trong đó loại 1 số lượng 832 cây; loại 2 số lượng 300 cây. Nhưng các cơ quan có Thông báo đất đã hết hợp đồng nên không được bồi thường, hỗ trợ cho gia đình ông C.

Tuy nhiên, căn cứ theo quy định của pháp luật thì tại điểm a, b, c Mục 1, Mục 3, Mục 4 của Công văn số: 10997/UBND-TNMT ngày 09/11/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thì gia đình ông C được hỗ trợ diện tích đất sử dụng từ 15/10/1993 đến trước 01/07/2004; bồi thường chi phí đầu tư 10% vào đất còn lại và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; các hỗ trợ khác là cây trồng trên đất cho gia đình ông C, hỗ trợ 1 giếng khoan sâu 75m và 1 ao rộng 200m (có chiều ngang 40 m x chiều dài 50m), 01 hệ thống đường ống

nước tưới 420m, ống nhựa nhãn hiệu tiền phong Q 90, dài 4m dày 2.6 mm, cây cà phê trồng vào năm 1995 với số lượng 1.132 cây (trong đó loại 1 số lượng là 832 cây; loại 2 số lượng là 300 cây), theo quy định của pháp luật.

Để đảm bảo quyền lợi của người sử dụng đất khi bị nhà nước thu hồi đất nông nghiệp sử dụng từ 15/10/1993 thì nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết: Buộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk phải hỗ trợ đối với diện tích đất là 10.000m² theo hợp đồng liên kết trồng cà phê; các hỗ trợ khác gồm: Hỗ trợ 1 giếng khoan sâu 75m và 1 ao rộng 200m² (có chiều ngang 40m x chiều dài 50m); 01 hệ thống đường ống nước tưới 420m, ống nhựa nhãn hiệu Tiền Phong Q 90, dài 4m dày 2.6 mm; Hỗ trợ cây cà phê trồng vào năm 1995 với số lượng 1.132 cây, trong đó loại 1 số lượng là 832 cây; loại 2 số lượng là 300 cây, với với số tiền tạm tính là 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng), theo quy định của pháp luật cho ông Nguyễn Ngọc C.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung hỗ trợ 01 giếng khoan sâu 75m và 1 ao rộng 200m² (có chiều ngang 40m x chiều dài 50m) vì cho rằng không nằm trên thửa đất ông C (ông Nguyễn Anh T2) liên kết đầu tư trồng cà phê giữa Phòng Hậu Cần – Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Năm 1995, thực hiện chủ trương của Đảng ủy Quân sự tỉnh Đ về việc liên kết trồng cà phê, mía trên diện tích đất quốc phòng tại cơ sở sản xuất C1. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ đã giao cho Phòng Hậu cần tiến hành ký kết hợp đồng liên kết trồng cà phê, mía trên khu đất quốc phòng tại cơ sở sản xuất C1 với 52 hộ dân/52 hợp đồng, thời gian hợp đồng là 25 năm (từ năm 1995 đến năm 2020) trong đó có Hợp đồng số 14 ngày 23/5/2000 mang tên Nguyễn Anh T2. Sau này ông Nguyễn Ngọc C đã sử dụng bản hợp đồng trên và đóng sản lượng với tư cách là người nhận chuyển nhượng.

Ngày 25/9/2008, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 204485, thửa đất số 69, 338, tờ bản đồ số 16 + 17 với diện tích 501.047m² cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ quản lý, sử dụng vào mục đích quốc phòng.

Trên cơ sở Quyết định số 1230/QĐ-BCH ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Q1 về việc không mở mới các dự án sử dụng đất quốc phòng chưa sử dụng ngay cho nhiệm vụ quốc phòng vào mục đích kinh tế, theo quy định tại Thông tư số 35/2009/TT-BQP của Bộ Q1; tại điều 2 quy định: “*Khi hết hạn của hợp đồng, Bộ Q1 không gia hạn và sẽ thu hồi đất*”.

Ngày 31/7/2017, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ đã ban hành Công văn số 2277/BCH-PHC về việc không trồng mới các loại cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả trên đất liên kết sản xuất C181 gửi nhắc nhở đến 52 hộ dân liên kết sản xuất.

Ngày 26/11/2020, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ đã ban hành Thông báo số 02/TB-BCH về việc thanh lý hợp đồng liên kết sản xuất tại C181 gửi đến 52 hộ dân liên kết sản xuất.

Ngày 31/12/2020, ông Nguyễn Ngọc C đã ký Bản thanh lý hợp đồng số 06 để thanh lý Hợp đồng liên kết trồng cà phê (Mía) số 14 ngày 23/5/2000 mang tên Nguyễn Anh T2, địa chỉ: Thôn A, xã E, tp B. Tuy nhiên, do dịch bệnh Covid 19 ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình phát triển kinh tế, xã hội. Bộ Q1 chưa quy hoạch diện tích khu vực đất trên vào nhiệm vụ quân sự nên tạm thời vẫn để dân khai thác.

Ngày 27/02/2022, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ ban hành Thông báo số 470/TB-BCH về việc thu hoạch sản lượng cây trồng và di dời vật chất, tài sản trên đất đã ký thanh lý trả lại mặt bằng cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ trước ngày 31/3/2022.

Từ ngày 13/4/2022, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ đã phối hợp với Sở T3, UBND xã H tiến hành cắm mốc và xây dựng hàng rào để bảo vệ đất quốc phòng C181. Trong quá trình cắm mốc để xây dựng tường rào có 08 hộ dân (trong đó có ông Nguyễn Ngọc C) tụ tập gây cản trở lực lượng chức năng trong việc thi công với lý do yêu cầu Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ ký kết lại hợp đồng để người dân tiếp tục lại canh tác và đòi đền bù cây trồng, cơ sở vật chất đã đầu tư để phục vụ sản xuất; Công an xã H đã lập biên bản sự việc và các hộ dân đã tự động giải tán.

Ngày 19/8/2022, UBND xã H ra Thông báo số 45/TB-UBND về việc thu hoạch mùa màng, di dời tài sản trên đất và bàn giao hiện trạng đất quốc phòng cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ để thực hiện nhiệm vụ quốc phòng tại khu vực C181. Tuy nhiên, sau khi UBND xã ban hành thông báo thì một số hộ dân (trong đó có ông Nguyễn Ngọc C) đã phản ứng gay gắt và không chấp hành nội dung Thông báo số 45/TB-UBND và yêu cầu các cơ quan cấp trên phải giải quyết việc đền bù thỏa đáng cho người dân xong mới tiến hành thu hồi đất.

Ngày 14/3/2024, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 56/2024/QĐXXST-HC ngày 14/3/2024 đưa vụ án hành chính sơ thẩm số 226/2023/TLST-HC ngày 22/11/2023 về việc “Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” giữa người khởi kiện là ông: Nguyễn Ngọc C sinh năm 1959; địa chỉ: số nhà A, thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và người bị kiện là UBND thành phố B. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngày 03/4/2024, Tòa án Nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 23/2024/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 226/2023/TLST-HC với lý do: UBND thành phố B không có hành vi hành chính làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của hộ ông C nên người khởi kiện không có quyền khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 của Luật Tổ tụng hành chính. Ngày 18/6/2024, Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Đà Nẵng ban hành Quyết định số 228/2024/QĐ-PT về giải quyết việc kháng cáo đối với quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Nội dung: Giữ nguyên Quyết định số

23/2024/QĐST-HC đình chỉ giải quyết vụ án hành chính sơ thẩm số 226/2023/TLST-HC của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk vì lý do: ông C không cung cấp được chứng cứ nào mới nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo.

Do đó, ý kiến của Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ: Ông Nguyễn Ngọc C sử dụng bản Hợp đồng liên kết trồng cà phê (Mía) số 14 ngày 23/5/2000 mang tên Nguyễn Anh T2 và đóng sản lượng theo quy định với tư cách là người sang nhượng được Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ đồng ý. Ngày 31/12/2020, ông Nguyễn Ngọc C ký Biên bản số 06/BB-TL thanh lý hợp đồng liên kết trồng cà phê (Mía) số 14 ngày 23/5/2000 mang tên ông Nguyễn Anh T2, địa chỉ: thôn A, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Như vậy: Hợp đồng liên kết trồng cà phê (Mía) số 14 ngày 23/5/2000 mang tên ông Nguyễn Anh T2 đã được hoàn thành. Việc ông C khởi kiện yêu cầu Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ “Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” sau khi ký thanh lý hợp đồng là không có căn cứ đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Phòng hậu cần Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ trình bày: Thông nhất nội dung ý kiến trình bày của bị đơn là Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ.

Người làm chứng bà Nguyễn Thị T1 (là Thôn T, xã H, tỉnh Đắk Lắk) trình bày: Đối với đất của ông Nguyễn Ngọc C có hợp đồng đất của khu vực C181 cũ, năm 1995 ông có canh tác là trồng cây lâu năm (cây cà phê) cho đến khoản năm 2018, 2019 thì vườn cà phê chặt bỏ không còn canh tác và chuyển qua canh tác cây rau màu.

Tại bản án Dân sự sơ thẩm số: 126/2025/DS-DS ngày 23/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk đã quyết định:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C về việc buộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ (Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ) phải hỗ trợ đối với diện tích đất là 10.000m² theo hợp đồng liên kết trồng cà phê; các hỗ trợ khác gồm: 01 hệ thống đường ống nước tưới 420m, ống nhựa nhãn hiệu Tiên Phong Q 90, dài 4m dày 2.6 mm; Hỗ trợ cây cà phê trồng vào năm 1995 với số lượng 1.132 cây (trong đó loại 1 số lượng là 832 cây; loại 2 số lượng là 300 cây), với tổng số tiền tạm tính là 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng) cho ông Nguyễn Ngọc C.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung hỗ trợ 01 giếng khoan sâu 75m và 01 ao rộng 200m² (có chiều ngang 40m x chiều dài 50m) của ông Nguyễn Ngọc C.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/10/2025, nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số: 126/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử lại theo

hướng sửa bản án sơ thẩm, tuyên xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến các bên đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn kháng cáo và có đơn xin miễn tiền nộp tạm ứng án phí trong thời hạn quy định là kháng cáo hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc C là yêu cầu bồi thường, hỗ trợ các tài sản trong quá trình thanh lý Hợp đồng liên kết trồng cà phê (mía) giữa ông C và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” là không đúng với bản chất; phát sinh tranh chấp giữa các bên đương sự là xuất phát từ hợp đồng dân sự và cụ thể là: Hợp đồng liên kết trồng cà phê (mía). Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản” theo quy định tại Điều 483 BLDS 2015 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự; nên cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[2] Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn:

Xét nguồn gốc đất nhận liên kết trồng cà phê (mía) theo Hợp đồng số 14/HĐ ngày 23/5/2000: Vào năm 1995, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh Đ đã giao cho Phòng Hậu cần tiến hành ký kết hợp đồng liên kết trồng cà phê, mía trên khu đất quốc phòng tại khu vực C181 với 52 hộ dân trên 52 hợp đồng, thời gian hợp đồng là 25 năm (từ năm 1995 đến năm 2020), các hợp đồng liên kết được ký kết lại vào năm 2000, trong đó có Hợp đồng số 14/HĐ ngày 23/5/2000 với ông Nguyễn Anh T2. Quá trình thực hiện hợp đồng liên kết thì ông Nguyễn Anh T2 đã chuyển quyền liên kết cho ông Nguyễn Ngọc C là người thực hiện và đóng sản lượng với tư cách là người nhận chuyển nhượng hợp đồng, nội dung này được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk thừa nhận. Do đó, ông Nguyễn Ngọc C là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tại Hợp đồng liên kết trồng cà phê số 14/HĐ ngày 23/5/2000 giữa Phòng hậu cần - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ và ông Nguyễn Anh T2. Thửa đất ông Nguyễn Ngọc C thực hiện liên kết theo hợp đồng số 14 thuộc một phần thửa đất số 69, 338, tờ bản đồ số 16 + 17 với diện tích 501.047m² đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất số AM 204485 ngày 25/9/2008, cho Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ quản lý, sử dụng vào mục đích quốc phòng.

Xét Hợp đồng số 14/HĐ ngày 23/5/2000 được ký kết giữa ông Nguyễn Anh T2 và Phòng hậu cần – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ là trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc và phù hợp với quy định pháp luật nên phát sinh hiệu lực, ông Nguyễn Ngọc C là người kế thừa hợp đồng liên kết số 14 từ ông Nguyễn Anh T2 thì phải có nghĩa vụ thực hiện các thỏa thuận theo hợp đồng đã ký.

Căn cứ Điều II của Hợp đồng số 14 ngày 23/5/2000 có nội dung: “*Thời hạn hợp đồng là 25 năm. Từ năm 1995 đến năm 2020. Sau thời hạn trên bên A nhận lại đất hoặc vườn cây. Nếu bên B có nhu cầu thì hai bên thỏa thuận ký hợp đồng tiếp theo*”.

Tuy nhiên, tại Điều 2, Quyết định số 1230/QĐ-BCH ngày 15/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Q1 về việc không mở mới các dự án sử dụng đất quốc phòng chưa sử dụng ngay cho nhiệm vụ quốc phòng vào mục đích kinh tế theo quy định tại Thông tư số 35/2009/TT-BQP của Bộ Q1, quy định: “*Khi hết hạn của hợp đồng, Bộ Q1 không gia hạn và sẽ thu hồi đất*”.

Do đó, ngày 31/7/2017, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ đã ban hành Công văn số 2277/BCH-PHC về việc không trồng mới các loại cây công nghiệp lâu năm và cây ăn quả trên đất liên kết sản xuất C181 để thông báo đến 52 hộ dân liên kết sản xuất trong đó có hộ ông C.

Ngày 26/11/2020, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ đã ban hành Thông báo số 02/TB-BCH về việc thanh lý hợp đồng liên kết sản xuất tại C181 gửi đến 52 hộ dân liên kết sản xuất, trong đó có hộ ông C.

Đến ngày 31/12/2020, ông Nguyễn Ngọc C đã ký Bản thanh lý hợp đồng số 06 để thanh lý Hợp đồng liên kết trồng cà phê (Mía) số 14 ngày 23/5/2000 (Bút lục số 44) và xác định nội dung thanh lý: “*Kể từ 0 giờ 00 phút ngày 01 tháng 01 năm 2021, Hợp đồng số 14/HĐ-KT ngày 23 tháng 5 năm 2000: về việc liên kết trồng cà phê (mía) khu vực cơ sở sản xuất C181 giữa Phòng Hậu cần/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ với ông Nguyễn Ngọc C được thanh lý xong, đất và tài sản trên đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ. Quyền và nghĩa vụ của hai bên đã thực hiện đầy đủ và sẽ chấm dứt mà không có vướng mắc hay tranh chấp gì*”. Như vậy, Hợp đồng liên kết trồng cà phê (Mía) số 14 ngày 23/5/2000 đã được các bên thanh lý và ông C đã xác nhận quyền, nghĩa vụ theo hợp đồng mà các bên đã ký kết đã được thực hiện xong.

Mặt khác, theo biên bản xem xét thẩm định ngày 01/8/2025 của Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện (Bút lục 90-92) thì hiện trạng thửa đất không còn bất cứ cây trồng và các tài sản như ông C liệt kê để yêu cầu bồi thường. Ngoài ra, theo lời trình bày của người làm chứng là bà Nguyễn Thị T1 (là Thôn T, xã H, tỉnh Đắk Lắk) cũng xác nhận nội dung: “*Đối với đất của ông Nguyễn Ngọc C có hợp đồng đất của khu vực C181 cũ, năm 1995 ông có canh tác là trồng cây lâu năm (cây cà phê) cho đến khoảng năm 2018, 2019 thì vườn cà phê thấy chặt bỏ không*

còn canh tác và chuyển qua canh tác cây rau màu”. Do đó, không có căn cứ để xác định giá trị thiệt hại như ông Nguyễn Ngọc C yêu cầu được hỗ trợ.

Xét các yêu cầu hỗ trợ diện tích đất sử dụng là 10.000m² và hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm; Yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại 10% của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C, thấy rằng: Yêu cầu khởi kiện của ông C phát sinh từ việc thanh lý Hợp đồng liên kết trồng cà phê (Mía) số 14 ngày 23/5/2000 giữa ông C và Phòng hậu cần – Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ là quan hệ pháp luật dân sự, ông C yêu cầu bồi thường sau khi thanh lý hợp đồng nhận giao nhận khoán về đất, không liên quan đến công tác thu hồi đất từ các cơ quan hành chính có thẩm quyền. Đối chiếu với các điều khoản thỏa thuận tại Hợp đồng liên kết thì các bên không thỏa thuận nội dung liên quan đến trách nhiệm phải bồi thường, hỗ trợ sau khi thanh lý hợp đồng, ngoài ra như nhận định trên đã xác định yêu cầu khởi kiện của ông C là không có căn cứ. Do đó, xét các yêu cầu được hỗ trợ về đất và yêu cầu bồi thường chi phí đầu tư vào đất của ông Nguyễn Ngọc C là không có cơ sở để chấp nhận.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C là không có căn cứ để chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn đề nghị được miễn nên miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 126/2025/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Đắk Lắk.

Áp dụng các Điều 483, 485, 493 của Bộ luật dân sự năm 2015; Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C về việc: Buộc Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Đ phải hỗ trợ đối với diện tích đất là 10.000m² theo hợp đồng liên kết trồng cà phê; các hỗ trợ khác gồm: 01 hệ thống đường ống nước tưới 420m, ống nhựa nhãn hiệu Tiên Phong Q 90, dài 4m dày

2.6 mm; Hồ trợ cây cà phê trồng vào năm 1995 với số lượng 1.132 cây (trong đó loại 1 số lượng là 832 cây; loại 2 số lượng là 300 cây), với tổng số tiền tạm tính là 1.500.000.000 đồng (Bằng chữ: Một tỷ năm trăm triệu đồng) cho ông Nguyễn Ngọc C.

- Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung hồ trợ 01 giếng khoan sâu 75m và 01 ao rộng 200m² (có chiều ngang 40m x chiều dài 50m) của ông Nguyễn Ngọc C.

- Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Ngọc C phải chịu 2.000.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền này đã ông C đã nộp và đã chi phí xong tại Tòa án cấp sơ thẩm.

- Về án phí: Ông Nguyễn Ngọc C được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc, kiểm tra II-TANDTC;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 1 - Đắk Lắk (2);
- Phòng THADS khu vực 1 - Đắk Lắk
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Quốc Ly

